TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Tuấn
Ông Thạch Khmau

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1994 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Quang Thị Hồng T, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: A C, ST A, V - Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D trình bày: Vào năm 2022, anh và chị Quang Thị Hồng T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đến tháng 02 năm 2023, chị T xuất cảnh sang nước Australia và muốn định cư lâu dài tại Australia. Anh đã nhiều lần giải thích và khuyên chị T trở về Việt Nam để vợ chồng sống chung, nhưng chị T không đồng ý, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Do đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được nên anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn chị Quang Thị Hồng T trình bày: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có. Đồng thời, chị đề

nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đưa ra xét xử sớm hơn so với thời gian đã ấn định trong thông báo về việc thụ lý vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy anh D và chị T kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh D và chị T không thực hiện được tình nghĩa vợ chồng và cả anh D và cả hai người đều xác định vợ chồng không thể sống chung, đều đồng ý ly hôn với nhau, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, cho anh D và chị T ly hôn với nhau. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D và bị đơn chị Quang Thị Hồng T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 13, 16). Căn cứ vào Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D và chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Duy và chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 18/5/2022 (BL 04). Sau khi kết hôn, anh D và chị T sống chung với nhau đến tháng 02 năm 2023 thì chị T xuất cảnh sang nước Australia. Nay, anh D và chị T đều xác định đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đều đồng ý ly hôn với nhau. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, cho anh D ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Anh Duy và chị T đều khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Duy và chị T đều khai không có và không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, cho anh D ly hôn với chị T, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, buộc anh Nguyễn Thanh D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Nguyễn Thanh D đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014842, ngày 06/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh D về việc ly hôn.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh D ly hôn với chị Quang Thị Hồng T.

2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thanh D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Nguyễn Thanh D đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014842, ngày 06/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đê